

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đất làm vật liệu san lấp
tại mỏ 213, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn
của Công ty TNHH Hải Dương**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Theo Quyết định số 4085/QĐ-UBND ngày 06/10/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Long Vân (Khu A2) và dự án Đầu tư các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Nhơn Bình tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 21/GP-UBND ngày 21/2/2023 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH Hải Dương khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại mỏ 213 tại phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn;

Theo Biên bản Hội đồng thẩm định Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ngày 12/4/2024 và đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 481/TTr-STNMT ngày 26/4/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản khai thác đất làm vật liệu san lấp tại mỏ 213, Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hải Dương theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 21/GP-UBND ngày 21/02/2023, với các nội dung cơ bản sau đây:

1. Mục đích đóng cửa mỏ: Để quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và giao đất cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan; phục hồi môi trường các khu vực đã khai thác.

2. Diện tích đóng cửa mỏ là 2,7 ha, được giới hạn bởi các điểm góc theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

3. Khối lượng thực hiện: theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án đóng cửa mỏ của UBND tỉnh thông qua.

4. Thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ: 03 năm.

5. Kinh phí thực hiện đóng cửa mỏ: 93.819.000 đồng (*bằng chữ: Chín mươi ba triệu tám trăm mười chín nghìn đồng*) từ nguồn của Công ty TNHH Hải Dương.

Điều 2. Trách nhiệm thực hiện.

1. Công ty TNHH Hải Dương có trách nhiệm:

- Thực hiện đầy đủ khối lượng và đúng tiến độ theo đề án đóng cửa mỏ đã phê duyệt.

- Nộp đầy đủ các nghĩa vụ thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính có liên quan đến giấy phép khai thác nêu trên.

- Bảo đảm tuyệt đối an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ theo quy định.

- Báo cáo cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định khi hoàn thành đề án để tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề án đóng cửa mỏ.

- Lập thủ tục đề nghị đóng cửa mỏ khu vực khai thác khoáng sản theo quy định.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất có trách nhiệm chỉ đạo các nhà thầu kê khai nộp đầy đủ thuế, phí và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định; đồng thời giám sát việc cải tạo, phục hồi môi trường của Công ty TNHH Hải Dương tại khu vực mỏ đất nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, Chủ tịch UBND Phường Bùi Thị Xuân, Giám đốc Công ty TNHH Hải Dương và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT TT: N.T.Thanh;
- Cục KS VN;
- Cục KSHĐKS miền Trung;
- Lưu: VT, K₄

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Bình Định)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (KKT 108°15', múi chiếu 3°)	
	X(m)	Y(m)
1	1.519.510	598.905
2	1.519.527	599.059
3	1.519.471	599.093
4	1.519.480	599.196
5	1.519.403	599.203
6	1.519.382	599.012
7	1.519.457	598.936
Diện tích 2,7 ha		